

**CÔNG TY TNHH MTV CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

Kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

KHAI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi từ Công ty Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy đăng ký kinh doanh số 4106000222 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/07/2006), Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300423479 đăng ký lần đầu ngày 12/08/2010, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 18/10/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16/09/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 121 Châu Văn Liêm, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ sở hữu: Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động công ích, quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông; camera quan sát. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Lắp đặt hệ thống điện, sản xuất thiết bị chiếu sáng... và các hoạt động kinh doanh khác.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên trong Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc của Công ty trong năm tài chính 2015 và cho đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Phạm Hưng Út	Chủ tịch Hội đồng thành viên
Ông Huỳnh Trí Dũng	Thành viên
Ông Trần Chiến Thắng	Thành viên

Ban Giám đốc, Phụ trách kế toán và Kiểm soát viên

Ông Huỳnh Trí Dũng	Giám đốc
Ông Trần Chiến Thắng	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó giám đốc
Ông Dương Chí Nam	Phó giám đốc
Bà Nguyễn Thị Xuân Đông	Phụ trách kế toán
Bà Phạm Thị Xuân Liễu	Kiểm soát viên

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Huỳnh Trí Dũng chức vụ Giám đốc Công ty

3204

ING
HIỆM P
ỀM TO
IG VU

LIÊM

Công ty TNHH MTV Chiếu sáng công cộng Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo của Ban Giám đốc

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương, thành viên hãng Eura Audit International đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc đã phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty,



Ông Huỳnh Trí Dũng

Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Y
C
ƯU HẠI
ÁN
ING
TP. H.



THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ EURA AUDIT INTERNATIONAL



EuraAuditInternational

Số: 187/2016/BCKT-HVAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28/03/2016, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG

Trụ sở chính : P808, Tòa nhà CT5 - ĐN2, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Tel: (844) 3787 1421 / 3787 1780 * Fax: (844) 3787 1422 * Hotline: 0914 375 380

E-mail: tuanqnhvac2012@gmail.com * Website: www.hvac.com.vn

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Quỹ tiền lương năm 2015 của Công ty gồm tiền lương của viên chức quản lý và của người lao động chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Vì vậy doanh thu, chi phí, lợi nhuận kế toán, quỹ lương năm 2015 cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2015 có thể bị thay đổi khi Công ty được phê duyệt đơn giá tiền lương, phê duyệt quỹ tiền lương cũng như thù lao của viên chức quản lý.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên **Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh** tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1087-2013-098-1

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Thị Ái Vân
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1227-2013-098-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

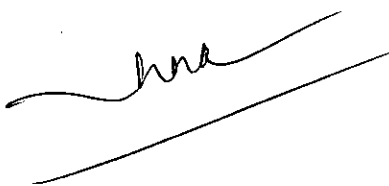
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		303.227.727.536	434.134.184.387
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	154.215.273.014	212.602.764.504
1. Tiền	111		17.888.886.724	56.276.378.214
2. Các khoản tương đương tiền	112		136.326.386.290	156.326.386.290
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.346.287.609	177.692.228.436
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	33.794.296.283	160.878.270.216
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.188.327.365	970.913.913
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	51.363.663.961	15.843.044.307
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	53.634.630.549	41.093.022.872
1. Hàng tồn kho	141		53.634.630.549	41.093.022.872
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.031.536.364	2.746.168.575
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		95.456.480	95.456.480
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.10	8.936.079.884	2.650.712.095
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		171.996.190.282	173.743.211.291
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		40.769.888.211	37.769.683.596
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2	40.769.888.211	37.769.683.596
II. Tài sản cố định	220		44.473.300.728	49.220.526.352
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	44.473.300.728	49.220.526.352
- Nguyên giá	222		76.781.422.286	76.397.892.286
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(32.308.121.558)	(27.177.365.934)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		86.753.001.343	86.753.001.343
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	86.753.001.343	86.753.001.343
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		475.223.917.818	607.877.395.678

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
A. Nợ phải trả	300		278.442.086.088	417.213.512.290
I. Nợ ngắn hạn	310		278.442.086.088	415.716.735.527
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	36.027.838.969	42.496.931.352
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	1.033.658.945	873.460.874
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	895.120.706	10.586.343.163
4. Phải trả người lao động	314		42.409.346.677	75.921.710.617
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.858.832.219	4.185.213.102
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	119.887.590.026	196.468.052.268
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		72.329.698.546	85.185.024.151
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	1.496.776.763
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.8	-	1.496.776.763
B. Vốn chủ sở hữu	400		196.781.831.730	190.663.883.388
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	193.828.632.986	187.710.684.644
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		167.911.001.343	167.911.001.343
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		167.911.001.343	167.911.001.343
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		66.941.971	66.941.971
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		19.732.741.750	19.732.741.330
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.117.947.922	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.953.198.744	2.953.198.744
1. Nguồn kinh phí	421		2.953.198.744	2.953.198.744
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		475.223.917.818	607.877.395.678

Người lập biểu



Phụ trách kế toán


 Nguyễn Thị Xuân Đông

Ngày 28 tháng 03 năm 2016



Giám đốc


 Huỳnh Lợi Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	290.200.483.615	454.318.776.178
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	290.200.483.615	454.318.776.178
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	187.535.148.362	315.659.537.959
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		102.665.335.253	138.659.238.219
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.388.834.325	10.550.101.815
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	49.222.649.441	55.985.365.227
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.831.520.137	93.223.974.807
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1.910.819.862	2.426.101.466
12. Chi phí khác	32	VI.6	1.562.860.774	3.886.279.011
13. Lợi nhuận khác	40		347.959.088	(1.460.177.545)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		61.179.479.225	91.763.797.262
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	13.459.485.430	24.348.378.618
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		47.719.993.795	67.415.418.644
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-

Người lập biểu

hnd

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Xuân Đông

Ngày 28 tháng 03 năm 2016



Giám đốc

Nguyễn Trí Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Năm 2015
 (Theo phương pháp trực tiếp)

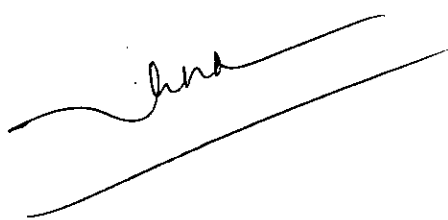
Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		421.022.431.472	364.262.403.279
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(143.310.942.170)	(194.057.221.309)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(124.973.765.030)	(108.773.266.063)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(30.615.606.321)	(5.200.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		76.761.856.728	6.744.524.536
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(178.546.970.101)	(139.600.780.081)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.337.004.578	(76.624.339.638)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(383.530.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.917.494.046	9.978.177.509
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.533.964.046	9.978.177.509
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(85.258.460.114)	(80.908.297.980)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(85.258.460.114)	(80.908.297.980)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(58.387.491.490)	(147.554.460.109)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		212.602.764.504	360.157.224.613
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	154.215.273.014	212.602.764.504

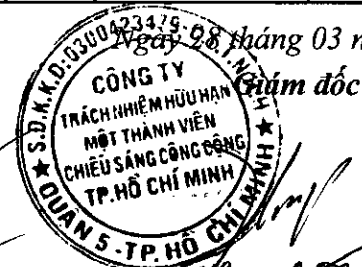
Người lập biểu

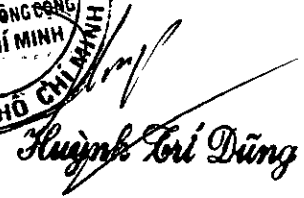
Phụ trách kế toán

Ngày 28 tháng 03 năm 2016




 Nguyễn Thị Xuân Đông


 Giám đốc


 Huỳnh Trí Dũng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi từ Công ty Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy đăng ký kinh doanh số 4106000222 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/07/2006), Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300423479 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 18/10/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16 tháng 09 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 121 Châu Văn Liêm, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ sở hữu: Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động công ích, duy tu bảo dưỡng và xây dựng thương mại..

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động công ích, quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông; camera quan sát. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Lắp đặt hệ thống điện, sản xuất thiết bị chiếu sáng... và các hoạt động kinh doanh khác.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có công ty con, không có các đơn vị trực thuộc.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01/01/2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam "VND", hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.

1932
CÔNG
H NIỆ
KIỂM
ỨNG
TỰ LIỆ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Như đã trình bày tại thuyết minh số II.2, Công ty sử dụng VND làm đơn vị tiền tệ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo Thông tư 228.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

148-C
TY
HỮU N
TOÁN
LƯƠNG
M-TP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước, bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiêm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Các chi phí đã phát sinh trong kỳ nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí, để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng
	(năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

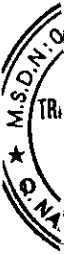
Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

11. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Trong năm tài chính 2015 Công ty đang tạm phân phối lợi nhuận như sau: Quỹ đầu tư phát triển 10%, Quỹ khen thưởng và phúc lợi 3 tháng lương, Quỹ thưởng ban điều hành 1,5 tháng lương. Số lợi nhuận còn lại nộp chủ sở hữu

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Nguyên tắc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

18 -
TY
HỮU
OÁN
ƯỚN
A - TP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
Tiền mặt	26.411.148	200.662.080
Tiền gửi ngân hàng	17.862.475.576	56.075.716.134
Tiền và các khoản tương đương tiền (*)	136.326.386.290	156.326.386.290
Cộng	154.215.273.014	212.602.764.504

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN CN Tp. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TM CP Công thương VN CN I Tp. Hồ Chí Minh.

2. Phải thu ngắn hạn, dài hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
a, Phải thu ngắn hạn khách hàng	33.794.296.283	160.878.270.216
Khu quản lý giao thông đô thị số 1	7.472.363.121	79.946.912.000
Khu quản lý giao thông đô thị số 2	6.633.539.000	15.249.005.000
Khu quản lý giao thông đô thị số 3	4.190.858.000	26.918.001.000
Khu quản lý giao thông đô thị số 4	11.359.427.000	26.301.925.000
TT Quản lý đường hầm sông Sài Gòn	2.667.489.000	3.834.025.000
Ban ĐT XD GT Thừa Thiên Huế	500.000.000	1.562.220.000
Công ty CP ĐT XD Số 17 Thăng Long	-	399.824.516
Ban QLDT thoát nước đô thị	-	37.159.000
Công ty TNHH Citelum Việt Nam	-	142.687.000
Ban QLDA Quy hoạch XD TP.HCM	-	1.109.929.000
Ban QLDA CT HTCS MT Thành phố	-	1.245.449.000
Công ty TNHH MTV CTGT Công Chánh	-	227.625.000
Công ty Cổ phần XD Phước Thành	-	2.662.900.000
Bảo tàng Hồ Chí Minh	752.766.162	752.780.176
Ban QL ĐTXD CT GT đô thị Thành phố	-	431.464.524
Sở Văn hóa và Thể thao TP HCM	217.854.000	56.364.000
b, Phải thu dài hạn khách hàng	40.769.888.211	37.769.683.596
Khu quản lý giao thông đô thị số 3	21.781.407.322	21.856.123.833
Khu quản lý giao thông đô thị số 4	4.314.540.401	2.040.753.158
TT Quản lý đường hầm sông Sài Gòn	171.415.950	171.415.950
Công ty TNHH MTV DVCI Thanh niên	1.051.696.219	1.053.358.798
Công ty XD Giao thông Sài Gòn	290.316.017	290.316.017
Ban điều hành các D.A Phía nam	110.784.225	110.784.225
LD thầu XD - TMEC - CHEC3	213.285.000	213.285.000
CN Phía Nam/ Cty CP-XD-CTGT 810	657.713.796	657.713.796

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. Phải thu ngắn hạn, dài hạn của khách hàng (tiếp)

		Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
		VND	VND
Công ty CP Đầu tư Thủ Thiêm	404.556.192	404.556.192	404556192
Công ty cổ phần địa ốc 10		128.029.388	-
Công ty cổ phần cầu 12	354.251.326	354.251.326	354251326
Công ty CP XD & ĐT An Phát	246.498.000	246.498.000	246498000
Khu quản lý giao thông đô thị số 1	3.221.873.259	7.804.917.069	2931557242
Khu quản lý giao thông đô thị số 2	1.656.648.214	(332.801.123)	1656648214
Công ty CP ĐT và địa ốc Sài Gòn Chợ Lớn	11.220.947	11.220.947	11220947
Ban QLDA ĐTXD công trình quận Tân Phú	28.979.000	28.979.000	28979000
Công ty TNHH MTV CT GT Sài Gòn	70.790.000	70.790.000	70790000
Công ty TNHH ĐTPT Thủ Thiêm MTV	15.400.000	15.400.000	15400000
Ban QLDA ĐTXD CT Quận Bình Thạnh	13.471.000	13.471.000	13471000
Ban QLDA ĐTXD CT Quận Hóc Môn	62.598.327	62.598.327	62598327
Ban QLDA ĐTXD công trình Quận Gò Vấp	73.692.437	73.692.437	73692437
Ban QLDA ĐTXD công trình Quận 6	24.949.300	24.949.300	24949300
Ban QLDA ĐTXD công trình Quận 10	36.819.000	36.819.000	36819000
Công ty CP phát triển kỹ thuật xây dựng	20.107.275	20.107.275	20107275
Công ty cổ phần KCN Thành Thành Công.	68.000.000	68.000.000	68000000
Tổng công ty ĐTPT nhà và đô thị	43.167.300	43.167.300	43167300
Tổng công ty cấp nước Sài Gòn	68.365.626	68.365.626	68365626
Công ty CP Đầu tư xây dựng Bình Chánh	196.784.102	196.784.102	196784102
Công ty TNHH sản xuất KD Hai Thành	45.499.738	45.499.738	45499738
UBND xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi	15.129.000	15.129.000	15129000
UBND xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi	4.985.500	4.985.500	4985500
UBND xã Tân An Hội, huyện Củ Chi	17.734.900	17.734.900	17734900
UBND xã Trung An, huyện Củ Chi	12.430.000	12.430.000	12430000
UBND xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi	3.608.800	3.608.800	3608800
UBND xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi	19.076.000	19.076.000	19076000
UBND xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi	27.458.500	27.458.500	27458500
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng D.P.D	-	2.574.074	-
VP đại diện thầu XD Thủ Thiêm tại TPHCM	1.292.155.790	1.292.155.790	1292155790
Công An TP. Hồ Chí Minh	125.692.843	125.692.843	125692843
Công ty CP Him Lam	57.264.350	57.264.350	57264350
Công ty CP CN kỹ thuật điện Toàn Cầu	68.600.000	68.600.000	68600000
Công ty CP đầu tư và xây dựng HUD1	343.928.158	343.928.158	343928158
Ban QLDA ĐTXD CT - Sô VH - TT	1.385.228.000	-	1385228000
Ban QLDA quy hoạch xây dựng TPHCM	1.109.929.000	-	1109929000
CN Tổng công ty Điện lực TPHCM TNHH	16.722.256	-	16722256
Công ty TNHH XD Điện TM Phương Đông	31.557.506	-	31557506
Ban quản lý dự án công trình Thành phố	124.544.900	-	124544900
Công ty CP xây dựng Phước Thành	194.404.219	-	194404219
Công ty CP ĐT và XD Số 17 Thăng Long	399.824.516	-	399824516
Công ty TNHH MTV CTGT Công Chánh	227.625.000	-	227625000
Ban QLDA thoát nước đô thị	37.159.000	-	37159000
Cộng	74.564.184.494	198.647.953.812	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. Trả trước người bán ngắn hạn, dài hạn

	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
	VND	VND
a, Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.188.327.365	970.913.913
Trung tâm KD-CN TĐBCVTVN-VT TPHCM	16.813.500	6.704.500
Công ty CP Vật tư xăng dầu	259.259.000	333.981.900
Công ty TNHH TM và DV Điện Liên Anh	286.345.175	368.477.513
Công ty CP Địa ốc Bình Tân	-	87.750.000
Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương	35.750.000	44.000.000
CTy TNHH XD TM Hoàng Thắng	241.422.890	-
CTy TNHH TM Kim Minh Châu	13.728.000	-
Công ty Cổ Phần Nguyễn Ngọc Hân	120.858.800	-
Công ty TNHH MTV TM VT Hiệp Thành An	84.150.000	-
Công ty TNHH MTV CK Ngân hàng Đông Á	130.000.000	130.000.000
b, Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	1.188.327.365	970.913.913

4. Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Phải thu ngắn hạn khác	51.363.663.961	-	15.843.044.307	-
Phải thu khác	36.579.620.158	-	2.365.337.918	-
Phải thu thuế TNCN	-	-	659.488.684	-
Các khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	681.400.002	-
Phải thu về cổ phần hóa	62.500.000	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	527.559.633	-	-	-
Phải thu ngân sách	33.745.915.456	-	-	-
Phải thu khác	2.243.645.069	-	1.024.449.232	-
Tạm ứng	41.760.000	-	370.305.000	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	12.609.642.430	-	10.831.417.916	-
Tiền lương	2.132.641.373	-	2.275.983.473	-
b. Phải thu dài hạn khác	-	-	-	-
Cộng	51.363.663.961	-	15.843.044.307	-

5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.556.892.161	-	26.569.260.797	-
Công cụ, dụng cụ	2.062.517.448	-	2.454.866.448	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.709.618.643	-	12.068.895.627	-
Thành phẩm	305.602.297	-	-	-
Cộng	53.634.630.549	-	41.093.022.872	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ, quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	33.905.931.917	2.459.597.900	37.800.022.029	2.232.340.440	76.397.892.286
Mua sắm mới	-	305.130.000	-	78.400.000	383.530.000
XDCB hoàn thành	131.933.624.000	-	-	-	131.933.624.000
Giảm khác	(131.933.624.000)	-	-	-	(131.933.624.000)
Tại ngày 31/12/2015	33.905.931.917	2.764.727.900	37.800.022.029	2.310.740.440	76.781.422.286
HAO MÒN LŨY KÊ					
Tại ngày 01/01/2015	7.796.938.233	1.367.875.001	17.672.703.305	339.849.395	27.177.365.934
Trích khấu hao	1.106.509.681	180.101.693	3.232.494.621	611.649.629	5.130.755.624
Tại ngày 31/12/2015	8.903.447.914	1.547.976.694	20.905.197.926	951.499.024	32.308.121.558
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	26.108.993.684	1.091.722.899	20.127.318.724	1.892.491.045	49.220.526.352
Tại ngày 31/12/2015	25.002.484.003	1.216.751.206	16.894.824.103	1.359.241.416	44.473.300.728

7. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
b. Chi phí trả trước dài hạn	86.753.001.343	86.753.001.343
<i>Chi phí lợi thế doanh nghiệp</i>	86.753.001.343	86.753.001.343
Cộng	86.753.001.343	86.753.001.343

8. Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn

	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Phải trả người bán ngắn hạn	36.027.838.969	36.027.838.969	42.496.931.352	42.496.931.352
<i>Công ty TNHH May thuê giày An Phước</i>	-	-	444.876.000	444.876.000
<i>Công ty cổ phần Ba An</i>	165.718.080	165.718.080	466.037.880	466.037.880
<i>Công ty TNHH CITELUM Việt Nam</i>	-	-	804.659.790	804.659.790
<i>Công ty cổ phần cơ khí điện Lữ Gia</i>	1.290.750.450	1.290.750.450	262.864.800	262.864.800
<i>Công ty CP Địa ốc - Cấp điện Thịnh Phát</i>	-	-	722.803.180	722.803.180
<i>Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 1</i>	538.061.990	538.061.990	1.141.454.450	1.141.454.450
<i>Công ty TNHH Cơ điện Phương Đông</i>	-	-	76.202.500	76.202.500
<i>Công ty TNHH MTV TM DV Đỗ Văn Trang</i>	46.805.000	46.805.000	244.530.000	244.530.000

Công ty TNHH MTV Chiêu sáng công cộng Tp. Hồ Chí Minh
 Địa chỉ: Số 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5,
 thành phố Hồ Chí Minh.
 tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẠO TÀI CHÍNH (TIẾP)
Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn (tiếp)

	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Số có khả năng trả nợ	Gia trị	Số có khả năng trả nợ	Gia trị
Công ty CP Đầu tư và PT Hưng Phát	-	-	-	738.914.770
CN Công ty TNHH DV Tin học FPT	-	-	-	844.790.100
Công ty CP Thiết bị điện Gia Huy	247.909.963	247.909.963	195.358.656	195.358.656
Công ty TNHH XD TM BDS Hạng Phúc	31.517.200	31.517.200	709.137.000	709.137.000
Công ty TNHH XD Hiệp Nguyễn	403.331.950	403.331.950	416.515.950	416.515.950
Công ty CP TV TM và XD Hitech Việt Nam	5.400.818.500	5.400.818.500	956.384.000	956.384.000
Công ty TNHH XD TM Hoàng Thang	-	-	-	178.478.140
Công ty TNHH Hợp Thiên	-	-	-	578.985.000
Công ty TNHH Kendo	2.779.516.401	2.779.516.401	2.752.183.492	2.752.183.492
Công ty cổ phần dầu tư Lotas	199.988.800	199.988.800	251.248.480	251.248.480
Công ty TNHH Nam Tek	-	-	-	543.070.000
Công ty TNHH KT máy tính Phúc Châu	3.185.376.865	3.185.376.865	520.038.200	520.038.200
Công ty TNHH phát triển Nhà Anh Minh	30.820.703	30.820.703	673.953.386	673.953.386
Công ty TNHH MTV CT cầu pha TP.HCM	32.016.200	32.016.200	320.162.000	320.162.000
Công ty TNHH SX CK XD TM Quang Lộc	646.019.100	646.019.100	3.374.658.745	3.374.658.745
Công ty cổ phần kỹ thuật Quang Phong	573.188.000	573.188.000	490.013.040	490.013.040
Công ty TNHH S.V	5.280.000	5.280.000	639.841.840	639.841.840
Công ty TNHH Tam In	-	-	-	944.229.000
Công ty TNHH Tin Học XD Tam Việt	154.880.000	154.880.000	369.034.503	369.034.503
Công ty TNHH Xây dựng và TM Tân Mỹ	7.441.087.786	7.441.087.786	14.090.769.798	14.090.769.798
Công ty TNHH SX CK XD TM Thanh Cơ	2.835.894.292	2.835.894.292	2.172.089.260	2.172.089.260
Công ty CP XD Cấp thoát nước Gia Định	840.731.236	840.731.236	1.685.462.736	1.685.462.736
Công ty TNHH MTV SX Ván tại Vạn Anh	3.269.530.000	3.269.530.000	1.282.325.000	1.282.325.000
Công ty TNHH SX CK và TM Vạn Tài	502.895.527	502.895.527	2.143.350.000	2.143.350.000
Công ty CP Thiết bị văn phòng Siêu Thanh	4.508.460	4.508.460	519.750.000	519.750.000
Công ty TNHH Sản Xuất và XD Đại Phong	452.599.400	452.599.400	-	-
Công ty TNHH ETECCO	654.442.800	654.442.800	-	-
Hộ Kinh Doanh Đại Tinh	276.104.000	276.104.000	-	-
Công ty TNHH TM DV KT Quang Phúc	362.490.733	362.490.733	-	-
Công ty TNHH Tin học Thành Nhân	913.517.955	913.517.955	-	-
CTy TNHH SX-TM & XD Thiên Minh	182.127.000	182.127.000	-	-
Công ty TNHH TM & Sản Xuất Tin Thành	411.817.241	411.817.241	-	-
Các đối tượng khác	2.148.093.337	2.148.093.337	942.759.656	942.759.656
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	1.496.776.763	1.496.776.763
Công ty TNHH Cielum SA	-	-	1.496.776.763	1.496.776.763
Cộng	36.027.838.969	36.027.838.969	43.993.708.115	43.993.708.115

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu B09-DN

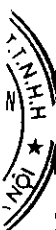
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
a, Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.033.658.945	873.460.874
Công ty CP XD và TM 299	495.000.000	495.000.000
Công ty CP Xây lắp điện Miền Đông	100.422.700	100.422.700
Công ty TNHH XD Điện nước Thiên Việt	98.729.098	98.729.098
CN Công ty liên doanh Xây dựng VIC	60.389.236	60.389.236
Tổng Công ty XD Đường Thủy - CTCP	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH KT XD Điện Đại Nam	30.585.532	-
Công ty CP đầu tư địa ốc Đại Quang Minh	143.311.379	-
Các khách hàng khác	5.221.000	18.919.840
b, Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
Cộng	1.033.658.945	873.460.874

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31/12/2015 VND
a. Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	-	1.435.865.367	596.257.373	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.031.145.108	13.459.485.430	30.615.606.321	-
Thuế thu nhập cá nhân	555.198.055	7.787.000.225	7.447.077.574	895.120.706
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	497.155.908	497.155.908	-
Các loại thuế phải nộp khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	307.636.364	307.636.364	-
Cộng	10.586.343.163	23.492.143.294	39.468.733.540	895.120.706
b. Phải thu				
Thuế GTGT nộp thừa	2.650.712.095	-	-	1.811.104.101
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	7.124.975.783
Cộng	2.650.712.095	-	-	8.936.079.884



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
a, Phải trả ngắn hạn khác	119.887.590.026	196.468.052.268
Thuế thu nhập cá nhân	689.900.381	301.532.827
Quỹ tương trợ	177.000.000	152.000.000
Phải trả xây dựng TT điều khiển	33.745.915.456	-
Phải nộp cấp trên quỹ đầu tư phát triển	65.000.000.000	79.883.640.608
Lợi nhuận phải nộp	15.792.535.873	85.294.566.622
Lãi chậm nộp	2.108.651.000	2.108.651.000
Kho bạc Nhà nước	826.386.290	27.799.172.693
Tiền lương viên chức quản lý	1.119.000.000	-
Các khoản phải trả khác	428.201.026	928.488.518
b, Phải trả dài hạn khác	-	-
Cộng	119.887.590.026	196.468.052.268

13. Vốn chủ sở hữu

13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	167.911.001.343	-	66.941.971	19.732.741.330	-	187.710.684.644
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	-	6.117.947.922	-	420	-	6.117.948.342
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	47.719.993.795	47.719.993.795
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(47.719.993.795)	(47.719.993.795)
Số dư tại 31/12/2015	167.911.001.343	6.117.947.922	66.941.971	19.732.741.750	-	193.828.632.986

13b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
Vốn góp của Nhà nước	167.911.001.343	167.911.001.343
Vốn góp của các đối tượng khác	-	-
Cộng	167.911.001.343	167.911.001.343

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Năm 2015

VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp đầu năm	167.911.001.343
Vốn góp tăng trong năm	-
Vốn góp giảm trong năm	-
Vốn góp cuối năm	167.911.001.343

Cổ tức, lợi nhuận đã chia

-

13d. Các quỹ của doanh nghiệp

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.117.947.922	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	66.941.971	66.941.971
Cộng	6.184.889.893	66.941.971

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	290.200.483.615	454.318.776.178
Doanh thu các công trình Duy tu	266.879.643.275	380.227.112.000
Doanh thu xây dựng, cải tạo HTCS	1.442.493.225	5.427.244.117
Doanh thu sửa chữa đèn bù trụ đèn CSCC	1.009.921.395	1.479.793.280
Doanh thu xây lắp	20.308.502.805	65.983.249.987
Doanh thu tư vấn thiết kế	559.922.915	1.201.376.794
Doanh thu thuần	290.200.483.615	454.318.776.178

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn các công trình Duy tu	166.863.407.717	251.660.822.800
Giá vốn xây dựng, cải tạo HTCS	1.236.591.272	3.764.230.962
Giá vốn sửa chữa đèn bù trụ đèn CSCC	883.440.380	1.117.237.210
Giá vốn xây lắp	18.226.250.179	58.430.792.792
Giá vốn tư vấn thiết kế	325.458.814	686.454.195
Cộng	187.535.148.362	315.659.537.959

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.388.834.325	10.550.101.815
Cộng	7.388.834.325	10.550.101.815

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp Duy tu	48.484.678.047	54.026.770.594
Chi phí quản lý doanh nghiệp công trình cty	52.369.642	119.838.527
Chi phí quản lý doanh nghiệp XN thi công	615.882.580	1.535.718.177
Chi phí quản lý doanh nghiệp XN TVTK	69.719.172	303.037.929
Cộng	49.222.649.441	55.985.365.227

5. Thu nhập khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhượng bán hàng hóa	1.857.330.465	2.244.721.398
Thu nhập khác	53.489.397	181.380.068
Cộng	1.910.819.862	2.426.101.466

6. Chi phí khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Nhượng bán hàng hóa	1.562.860.085	1.595.942.469
Chi phí khác	689	2.290.336.542
Cộng	1.562.860.774	3.886.279.011

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	61.179.479.225	91.763.797.262
Thu nhập chịu thuế trong năm	61.179.479.225	91.763.797.262
Thu nhập từ hoạt động SXKD	61.179.479.225	91.763.797.262
Thuế suất	22%	22%
Thuế thu nhập phải trả ước tính	13.459.485.430	20.188.035.398
Thuế TNDN bổ sung	-	4.160.343.220
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.459.485.430	24.348.378.618

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	91.373.343.924	169.809.809.000
Chi phí nhân công	103.945.346.077	157.092.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.148.666.738	4.936.128.702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.545.981.171	15.326.584.209
Chi phí khác bằng tiền	34.800.906.807	24.480.381.275
Cộng	236.814.244.717	371.644.903.186

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty đang tiến hành cổ phần hóa theo Quyết định số 6039/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa.

2. Thông tin với các bên liên quan

Tổng thu nhập được chi trả trong năm 2015 cho các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Phụ trách kế toán và Kiểm soát viên như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Số tiền 2015
Phạm Hưng Út	Chủ tịch HĐQT	324.015.500
Huỳnh Trí Dũng	Giám đốc	314.036.000
Trần Chiến Thắng	Phó Giám đốc	284.856.500
Nguyễn Minh Tuấn	Phó Giám đốc	681.930.892
Dương Chí Nam	Phó Giám đốc	684.996.283
Phạm Thị Xuân Liễu	Kiểm soát viên	197.483.568
Nguyễn Thị Xuân Đông	Phụ trách Kế toán	579.424.259
Tổng cộng		3.066.743.002

3. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01/01/2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này. Công ty đã điều chỉnh số liệu đầu kỳ theo Quyết định số 6039/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa và Biên bản kiểm toán của kiểm toán Nhà nước Khu vực IV ngày 03 tháng 02 năm 2016.



Công ty TNHH MTV Chiếu sáng công cộng Tp.Hồ Chí Minh
Địa chỉ: Số 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc
tại ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

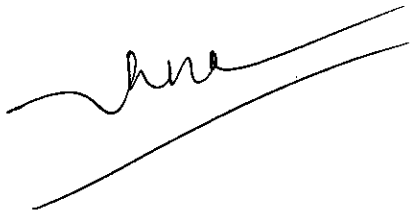
4. Khả năng hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục với giả thiết là Công ty tiếp tục hoạt động trong tương lai. Tuy nhiên sự hoạt động liên tục của Công ty tùy thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ, hỗ trợ tài chính của chủ đầu tư hay mở rộng thị trường của Công ty.

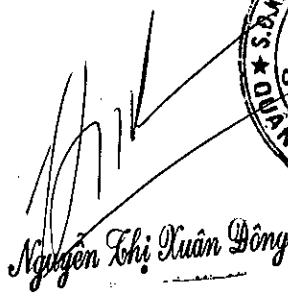
5. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Người lập biểu



Phụ trách kế toán

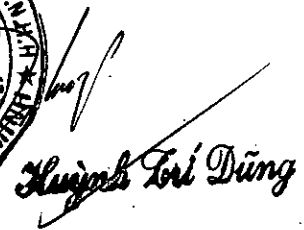


Nguyễn Thị Xuân Đông

Ngày 28 tháng 03 năm 2016



Giám đốc



Nguyễn Thị Xuân Đông

HH
★
Y